

**NỘI DUNG HỘI NGHỊ BDD CMHS ĐẦU NĂM**

**NĂM HỌC 2025- 2026**

**A. THỜI GIAN, CHƯƠNG TRÌNH HỌP**

**I. Thời gian:** Sáng 4/10/2024 (Thứ Bảy):

**II. Chương trình họp PHHS:**

- 1- Ổn định tổ chức: điểm danh thành phần dự họp
- 2- Thông qua nội dung tiến trình của cuộc họp.
- 3- Bầu Ban đại diện nhà trường. (03 người: Trưởng ban, phó ban và thư ký)
- 4- Cử thư ký viết biên bản (CMHS)
- 5- Báo cáo tình hình, kế hoạch hoạt động của nhà trường
- 6- Thông báo một số nội dung khác
- 7- Ý kiến thảo luận của phụ huynh
- 8- Phát biểu và kết thúc cuộc họp.

**B. NỘI DUNG:**

**I. ĐẶC ĐIỂM NHÀ TRƯỜNG:**

**1. Tình hình học sinh và đội ngũ nhà trường**

| Khối lớp | Số lớp | Số học sinh | Ghi chú |
|----------|--------|-------------|---------|
| 10       | 9      | 381         |         |
| 11       | 10     | 450         |         |
| 12       | 11     | 439         |         |
| Tổng     | 30     | 1270        |         |

| STT | Môn  | Số lượng CB, GV, NV |          |          | Trình độ chuyên môn |            |
|-----|------|---------------------|----------|----------|---------------------|------------|
|     |      | Tổng số             | Biên chế | Hợp đồng | Đạt chuẩn           | Trên chuẩn |
| 1   | CBQL | 3                   | 3        | 0        | 0                   | 3          |
| 2   | GV   | 69                  | 67       | 2        | 67                  | 2          |

**2. Cơ sở vật chất**

| Phòng học | Số phòng chức năng |         |          |         |           |           |          |      |            |                         |
|-----------|--------------------|---------|----------|---------|-----------|-----------|----------|------|------------|-------------------------|
|           | Vật lý             | Hóa học | Sinh học | Tin học | Nghe nhìn | Phòng họp | Thư viện | YTHĐ | Phòng TDTT | Phòng <i>activboard</i> |
| 32        | 2                  | 2       | 2        | 2       | 1         | 1         | 1        | 1    | 1          | 1                       |

- Tổng số phòng học: 32; trong đó phòng học kiên cố: 32; 100% phòng học được trang bị Tivi/ máy chiếu, máy tính, loa, mạng internet phục vụ cho dạy và học.

- Phòng bộ môn: 05

- Phòng dạy Tin học: 02

- Cơ sở vật chất, phòng học, thiết bị được bố trí phù hợp, đảm bảo đủ ánh sáng và thoáng mát cho học sinh học tập. Nhà trường có đủ các điều kiện về cơ sở vật chất đảm bảo cho việc dạy 2 buổi/ngày.

**3. Tổ chức các môn học/hoạt động/nội dung giáo dục theo Chương trình GDPT 2018 như sau:**

| STT | Lớp                            | Môn học lựa chọn            | Cụm chuyên đề học tập |
|-----|--------------------------------|-----------------------------|-----------------------|
| 01  | 10A1, 10A2, 10A3               | Sinh, Địa, GDKT&PL, Tin học | Toán, Văn, Sử         |
| 02  | 10A4, 10A5, 10A6               | Lý, Địa, CNCN, Tin học      | Toán, Văn, Lý         |
| 03  | 10A7, 10A8, 10A6               | Lý, Hóa, Sinh, CNNN         | Toán, Lý, Hóa         |
| 04  | 11A1, 11A3, 11A4, 11A5         | Sinh, Địa, GDKT&PL, Tin học | Toán, Văn, Sử         |
| 05  | 11A6                           | Hóa, Sinh, Địa, Tin học     | Toán, Hóa, Sinh       |
| 06  | 11A7, 11A8                     | Lý, Hóa, Sinh, Tin học      | Toán, Lý, Hóa         |
| 07  | 11A2, 11A9, 11A10              | Lý, Hóa, CNCN, Tin học      | Toán, Lý, Hóa         |
| 08  | 12A1, 12A2                     | Sinh, Địa, CNNN, Tin học    | Sinh, CNNN, Tin học   |
| 09  | 12A3, 12A4, 12A5, 12A6         | Địa, GDKT&PL, CNCN, Tin học | Sử, CNCN, Tin học     |
| 10  | 12A7, 12A8, 12A9, 12A10, 12A11 | Lý, Hóa, Sinh, Tin học      | Toán, Lý, Hóa         |

#### 4. Ưu điểm, hạn chế

##### 4.1. Ưu điểm

- Nhà trường có cơ sở vật chất cơ bản đảm bảo để thực hiện hoạt động dạy và học theo yêu cầu của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Chất lượng dạy và học của nhà trường từng bước được nâng cao, có hiệu quả thực chất hơn.

- Đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý có đủ số lượng, chất lượng đáp ứng công tác quản lý và dạy học.

- Đồng phục, tác phong, thực hiện giờ giấc của HS tương đối nghiêm túc.

- Tỷ lệ đỗ TN tương đối cao: gần 99 %

## **4.2. Hạn chế**

### *2.1. Về lãnh đạo, quản lý:*

Hạn chế trong nắm bắt tình hình vi phạm và xử lý vi phạm nội quy của học sinh

### *2.2. Về phía giáo viên, nhân viên:*

Một số GV chưa chịu khó phấn đấu nâng cao tay nghề, làm việc thiếu tính tự giác. Việc xử lý tình huống sư phạm chưa khéo léo dẫn đến chưa hài lòng đối với PHHS và HS; Một số GVCN chưa theo sát học sinh lớp mình để có biện pháp khắc phục những vi phạm nội quy của HS.

### *2.3. Về học sinh:*

- Còn một số học sinh chậm tiến bộ mặc dù được giáo dục nhiều lần. Một số HS chưa khắc phục được những khó khăn để phấn đấu vươn lên.

- Một số học sinh còn không chấp hành Luật giao thông đường bộ; Đi xe máy phân khối lớn đến trường, đi xe hàng 2, hàng 3 trên đường quốc lộ; bỏ xe máy trước Quảng trường gây mất trật tự và mất xe; Một vài học sinh ý thức vệ sinh trường lớp chưa tốt.

- Tình trạng gây gổ đánh nhau, bỏ học cúp tiết nhảy rào vẫn còn diễn ra.

- Một số em vi phạm giờ giấc, tác phong: đi trễ, không đồng phục; nhuộm, uốn tóc...

- Một số HS hút thuốc trong khuôn viên trường

- Một số PHHS ít quan tâm đến việc nhắc nhở, giáo dục con em mình; một số phản ánh không đúng sự thật về tình hình nhà trường.

### *2.4. Về cơ sở vật chất thiết bị dạy học nhà trường:*

Một số thiết bị DH đã xuống cấp, hư hỏng ảnh hưởng đến hoạt động dạy và học của nhà trường.

## **5. Nhiệm vụ trọng tâm:**

1. Tiếp tục tổ chức thực hiện hiệu quả Chương trình giáo dục phổ thông 2018 (CTGDPT) trong năm học 2025 - 2026 bảo đảm tính khoa học, sư phạm, khai thác tối đa hiệu quả sử dụng cơ sở vật chất, thiết bị dạy học giúp học sinh đạt được yêu cầu cần đạt theo quy định của chương trình; triển khai dạy học 2 buổi/ngày từ năm học 2025-2026.

2. Tăng cường các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục, duy trì xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia; bố trí đội ngũ giáo viên hợp lý.

3. Nâng cao hiệu quả các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học, kiểm tra đánh giá nhằm phát triển phẩm chất, năng lực học sinh. Xây dựng ngân hàng đề kiểm tra, đánh giá cho các môn học, đảm bảo thực hiện thống nhất, đồng bộ theo CTGDPT. Đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh, tạo cơ hội, điều kiện để học sinh được phát triển toàn diện; đẩy mạnh giáo dục STEM/STEAM, năng lực số, trí tuệ nhân tạo (AI), giáo dục hướng nghiệp và phân luồng học sinh sau THPT.

4. Đẩy mạnh chuyển đổi số và đổi mới quản trị trường học; tập trung tham mưu cấp ủy địa phương đưa giáo dục nói chung và phổ thông nói riêng vào chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội các cấp với các nhiệm vụ, chỉ tiêu cụ thể phù hợp với điều kiện của nhà trường.

## **II- KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG:**

### **1. Một số nội quy quy tắc:**

- Nhà trường dựa vào Điều lệ trường THPT xây dựng Quy tắc ứng xử, nội quy, quy định và xử lý học sinh vi phạm.
- Nhà trường xây dựng quy chế hoạt động, quy chế tiếp dân, phân công nhiệm vụ trong lãnh đạo nhà trường,...

**2. Phối hợp giáo dục học sinh:** BGH, Đoàn TN phối hợp với GVCN tham gia quản lý, giáo dục học sinh học sinh. GVCN phải thường xuyên phối hợp với PHHS để giáo dục học sinh, đặc biệt là những HS thường xuyên vi phạm, học lực chưa đạt.

### **3. Những kiến nghị, đề xuất của nhà trường đối với CMHS:**

- Đề nghị phối hợp với nhà trường có kế hoạch vận động duy trì sĩ số học sinh ở các lớp, hạn chế bỏ học; nhắc nhở con em thực hiện nghiêm túc nội quy, quy tắc ứng xử của nhà trường. Quản lý chặt chẽ con em mình tránh các tệ nạn mê game, đua xe, lạng lách vi phạm luật giao thông,...

- Kêu gọi phụ huynh và các tổ chức, cá nhân trong xã hội tự nguyện tài trợ vật chất, tiền để nhà trường đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học nhằm đưa chất lượng dạy học đi lên.

### **4. Việc thực hiện nội quy sử dụng điện thoại trong nhà trường:**

- HS không được dùng điện thoại trong suốt buổi học. Điện thoại sẽ đặt vào 1 thùng đựng điện thoại chung của lớp (giao Ban cán sự lớp quản lý theo dõi)
- Vận động PHHS mỗi lớp đóng 1 hộp đựng điện thoại chung và treo trên tường. Được đặt chỗ dễ quan sát của GV, HS và camera.

### **5. Học 2 buổi/ngày: triển khai KH 2 buổi/ ngày**

### **6. Triển khai về các chế độ chính sách của học sinh (Theo VB đã triển khai)**

### **7. Các khoản thu đầu năm**

#### **7.1. Các khoản bắt buộc: Bảo hiểm y tế**

Khối 10, 11 thu 12 tháng = 631.800 đồng;

Khối 12 thu 9 tháng = 473.830 đồng.

Những HS đã được cấp thẻ phải photo và gửi lại cho cô Ánh – y tế nhà trường.

Nộp tiền trực tiếp cho bộ phận y tế nhà trường

**7.2. Các khoản thu theo Nghị quyết 385/2024/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Lâm Đồng; HD số 664/SGDDĐT-KHTC của Sở GD&ĐT Lâm Đồng và văn bản số 664/SGDDĐT-KHTC ngày 03/9/2025 về Hướng dẫn thực hiện các khoản thu hợp pháp năm học 2025-2026 đối với các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.**

a. Tiền gửi xe : 30.000đ/tháng

b. Hình thức thu – chi: đóng tiền cho người trong giữ xe

- Nội dung thu - chi các khoản và công tác quản lý thu - chi đảm bảo công khai minh bạch và đúng quy định hiện hành

### **8. Khoản tài trợ theo TT16: Không**

**9. Quỹ Ban đại diện CMHS (Thông tư 55):** Việc thu, chi kinh phí của Ban đại diện cha mẹ học sinh phải bảo đảm nguyên tắc công khai, dân chủ; sau khi chi tiêu phải báo cáo công khai quyết toán kinh phí tại các cuộc họp toàn thể cha mẹ học sinh lớp và các cuộc họp toàn thể Ban đại diện cha mẹ học sinh trường. Không qui định mức kinh phí ủng hộ bình quân cho các cha mẹ học sinh. Hoàn toàn tự nguyện đóng góp từ CMHS.

**10. Ý kiến thảo luận của PHHS**

**11. Kết thúc**

Trên đây là Nội dung Hội nghị BDDCMHS của trường THPT Phạm Văn Đồng vào đầu năm học 2025 – 2026.

**HIỆU TRƯỞNG**

**Lê Thế Hiển**